**PHỤ LỤC 1**

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu số: 01/XDDN-Q** | **PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**  **VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG** | *Mã DN (CQ TK ghi)* |
| *(Áp dụng đối với doanh nghiệp có hoạt động xây dựng)* | | |
|  | Quý ……năm …… |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Thực hiện Quyết định số /QĐ-TCTK ngày tháng năm 2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê  về việc điều tra hoạt động xây dựng. | - Nghĩa vụ cung cấp thống tin được quy định theo Luật Thống kê.  - Thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định. |

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**Tên doanh nghiệp:** …....................................................................................................................

**Mã số thuế của doanh nghiệp**

**Địa chỉ:** *CQ TK ghi*

Tỉnh/thành phố …………………………..………………............…..……………………….

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh: ………………..……….........…………………..

Xã/phường/thị trấn: …………………………………………..........……………………

Thôn, ấp (Số nhà, đường phố) ……………………………………………..………………………

Số điện thoại: …………….…….Fax…...………..……Email: …………………………….……

**Loại hình kinh tế của doanh nghiệp:** 1. Doanh nghiệp nhà nước

*(Khoanh tròn vào ô mã phù hợp)* 2. Doanh nghiệp ngoài nhà nước

3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

**Ngành hoạt động xây dựng:**…......................................................................................... *CQ TK ghi*

…………………………………………………………………………………..

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổng số lao động của doanh nghiệp tại thời điểm cuối quý báo cáo** |  | Người |
|  |  |  |
| **Trong đó: Lao động thường xuyên** |  | Người |

**II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT**

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

| **Tên chỉ tiêu** | **Mã số** | **Thực hiện quý trước quý báo cáo** | **Dự tính quý báo cáo** | **Cộng dồn từ đầu năm đến cuối quý báo cáo** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **1** | **2** | **3** |
| **1.Tổng chi phí cho hoạt động xây dựng (01=02+...+09)** | **01** |  |  |  |
| Chi phí vật liệu trực tiếp | 02 |  |  |  |
| Chi phí nhân công trực tiếp | 03 |  |  |  |
| Chi phí sử dụng máy móc thi công | 04 |  |  |  |
| Chi phí sản xuất chung | 05 |  |  |  |
| Chi phí thực hiện hạng mục công trình do nhà thầu phụ thi công (nếu có) | 06 |  |  |  |
| *Chia theo địa điểm thi công công trình của nhà thầu phụ:*  Tỉnh/TP: ……………………………… | Mã tỉnh/ TP (CQ Tkê ghi) |  |  |  |
| Tỉnh/TP: ……………………………… |  |  |  |  |
| Tỉnh/TP: ……………………………… |  |  |  |  |
| Chi phí quản lý kinh doanh (Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp) | 07 |  |  |  |
| Chi trả lãi tiền vay cho hoạt động xây dựng | 08 |  |  |  |
| Chi phí khác | 09 |  |  |  |
| **2. Giá trị VLXD, nhiên liệu, vật tư do chủ đầu tư cung cấp** | **10** |  |  |  |
| **3. Lợi nhuận hoạt động xây dựng (11=12+13)** | **11** |  |  |  |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động xây dựng | 12 |  |  |  |
| Lợi nhuận khác có liên quan đến hoạt động xây dựng | 13 |  |  |  |
| **4. Giá trị sản xuất xây dựng (14=01+10+11=15+16+17+18)** | **14** |  |  |  |
| ***Giá trị sản xuất chia theo loại công trình:*** |  |  |  |  |
| Công trình nhà ở | 15 |  |  |  |
| Công trình nhà không để ở | 16 |  |  |  |
| Công trình kỹ thuật dân dụng | 17 |  |  |  |
| Hoạt động xây dựng chuyên dụng | 18 |  |  |  |
| ***Giá trị sản xuất chia theo tỉnh/thành phố:*** | Mã tỉnh/ TP (CQ Tkê ghi) |  |  |  |
| Tỉnh/TP: ………………………………… |  |  |  |  |
| Tỉnh/TP: ………………………………… |  |  |  |  |
| Tỉnh/TP: ………………………………… |  |  |  |  |
| Tỉnh/TP: ………………………………… |  |  |  |  |

**III. MỘT SỐ CÔNG TRÌNH CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN TRONG KỲ**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên công trình** | **Loại công trình** | **Mã ngành** *(CQ Tkê ghi)* | **Địa điểm xây dựng** | | **Thời gian khởi công**  *(Tháng/ năm)* | **Thời gian hoàn thành/ dự kiến**  **hoàn thành**  *(Tháng/năm)* | **Tổng giá trị công trình**  *(Giá trước thuế)* | **Thực hiện quý trước quý báo cáo** | **Dự tính quý báo cáo** | **Cộng dồn từ đầu năm đến cuối quý báo cáo** |
| **Tên tỉnh/ TP** | **Mã tỉnh/TP**  *(CQ Tkê ghi)* |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **E** | **G** | **H** | **1** | **2** | **3** | **4** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:* Cột B**: Ghi mã 1 nếu là công trình xây dựng mới; ghi mã 2 nếu là công trình sửa chữa, nâng cấp.

**IV. NHẬN ĐỊNH CỦA DOANH NGHIỆP VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT**

*(Với mỗi câu hỏi, đánh dấu X vào* ***một*** *lựa chọn phù hợp nhất)*

**Phần A. Nhận định về tình hình hoạt động sản xuất hiện tại của doanh nghiệp**

**1. Ông/bà có nhận định thế nào về tình hình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp quý báo cáo so với quý trước?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thuận lợi hơn | Khó khăn hơn | Không thay đổi | Không biết |

Ý kiến khác (đề nghị ghi rõ): …………………………………………………..………

………………………………………………………….……………………………..……..

**2. Ông/bà có nhận định thế nào về hỗ trợ của hệ thống pháp luật/chính sách của Nhà nước đối với hoạt động sản xuất của doanh nghiệp?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thuận lợi hơn | Khó khăn hơn | Không thay đổi | Không biết |

Ý kiến khác (đề nghị ghi rõ): …………………………………………………..………

………………………………………………………….……………………………..……..

**3. Doanh nghiệp của ông/bà có đi vay (vay ngân hàng, vay các nguồn khác…) phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp không?**

|  |  |
| --- | --- |
| Không 🡺 trả lời tiếp câu 6 | Có |

**4. Doanh nghiệp của ông/bà vay từ nguồn nào?**

|  |  |
| --- | --- |
| Ngân hàng | Khác 🡺 trả lời tiếp câu 6 |

**5. Ông/bà có nhận định thế nào về tình hình vay vốn của ngân hàng cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp quý báo cáo so với quý trước?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thuận lợi hơn | Khó khăn hơn | Không thay đổi |

Ý kiến khác (đề nghị ghi rõ): …………………………………………………..………

………………………………………………………….……………………………..……..

**Phần B. Nhận định về tình hình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp trong quý tiếp theo**

**6. Ông/bà có nhận định thế nào về tình hình hoạt động sản xuất chung của doanh nghiệp trong quý tiếp theo?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thuận lợi hơn | Khó khăn hơn | Không thay đổi | Không biết |

Ý kiến khác (đề nghị ghi rõ): …………………………………………………..………

………………………………………………………….……………………………..……..

**7. Ông/bà có nhận định thế nào về tình hình sử dụng các yếu tố đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp trong quý tiếp theo?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1.1. Tổng chi phí cho hoạt động xây dựng | Tăng | Không đổi | Giảm |
| 1.2. Chi phí mua nguyên, vật liệu xây dựng | Tăng | Không đổi | Giảm |
| 1.3. Chi phí nhân công | Tăng | Không đổi | Giảm |
| 1.4. Tổng số lao động | Tăng | Không đổi | Giảm |
| 1.5. Số lao động thường xuyên | Tăng | Không đổi | Giảm |
| 1.6. Số lao động thuê ngoài (lao động thời vụ) | Tăng | Không đổi | Giảm |

**8. Ông/bà có nhận định thế nào về tình hình hoạt động của các doanh nghiệp xây dựng nói chung trong quý tiếp theo?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thuận lợi hơn | Khó khăn hơn | Không thay đổi | Không biết |

Ý kiến khác (đề nghị ghi rõ): …………………………………………………..………

………………………………………………………….……………………………..……..

**9. Kiến nghị/mong muốn của doanh nghiệp đối với hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước trong thời gian tới**

……………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………..

.....…………………………………………………………………………………………….

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điều tra viên**  *(Ký, họ tên)* |  | … ngày … tháng … năm …  **Giám đốc (Chủ DN**)  *(Ký, đóng dấu)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu số: 02/XDXP-Q** | **PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**  VỀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN  Quý ……năm …… |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Thực hiện Quyết định số: 1848/QĐ-TCTK ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc điều tra hoạt động xây dựng. | - Nghĩa vụ cung cấp thống tin được quy định theo Luật Thống kê.  - Thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định. |

**I. Thông tin chung**

**1. Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn:** ……………………………………………………………………………….…………………………

**2. Địa chỉ** *CQ TK ghi*

Tỉnh/thành phố ……………………………………………………………………………………….……………………..……………………….

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh: …………………………………………………………………………..…………………………..

Xã/phường/thị trấn: ……………………………………………………..………………………………………………………….………………

Thôn, ấp (số nhà, đường phố): ………………………………………………………………………………..…….………………………………...

Số điện thoại liên hệ: ………………………………………..……………………. Số Fax: ………………………………………..………………

Email: …………………………………………………………………………..……………………………………………………………………..

**II. Công trình xây dựng thực hiện trong kỳ**

(*Chỉ ghi các công trình xây dựng tự làm hoặc thuê cơ sở cá thể thi công,* ***Không bao gồm*** *chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, tiền thuê hoặc mua quyền sử dụng đất).*

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

| **TT** | **Tên công trình**  *(Ghi lần lượt từng công trình xây dựng*  *thực hiện trong kỳ)* | **Loại công trình** | **Mã ngành**  *(CQ Tkê ghi)* | **Thời gian khởi công**  *(Tháng/năm)* | **Thời gian hoàn thành/ dự kiến**  **hoàn thành**  *(Tháng/ năm)* | **Tổng giá trị công trình** | **Thực hiện quý trước quý báo cáo** | **Dự tính quý báo cáo** | **Cộng dồn từ đầu năm đến cuối quý báo cáo** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **E** | **G** | **1** | **2** | **3** | **4** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** | | | | | |  |  |  |  |

***Ghi chú:* Cột C:** Ghi mã 1 nếu là công trình xây dựng mới; ghi mã 2 nếu là công trình sửa chữa, nâng cấp.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điều tra viên**  *(Ký, họ tên)* |  | *… ngày … tháng … năm …*  **Chủ tịch xã/phường**  *(Ký, đóng dấu)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu số: 03/DSH-Q** |  |  |

**PHIẾU LẬP DANH SÁCH HỘ DÂN CƯ TẠI ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA**

Quý ……năm ……

*(Áp dụng cho địa bàn được chọn mẫu điều tra, mỗi địa bàn điều tra lập 01 phiếu)*

|  |  |
| --- | --- |
| Thực hiện Quyết định số: 1848/QĐ-TCTK ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc điều tra hoạt động xây dựng. | - Nghĩa vụ cung cấp thống tin được quy định theo Luật Thống kê.  - Thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định. |

**I. Thông tin chung**  *CQ TK ghi*

Tỉnh/thành phố …………………………………………..…………………………………….

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh: ……………………………………………………..

Xã/phường/thị trấn: ……………………………………………………………………

Tên địa bàn điều tra: …………………………………………..……Địa bàn số

Khu vực *(Khoanh tròn vào mã tương ứng câu trả lời phù hợp*) 1. Thành thị; 2. Nông thôn

**II. Kết quả lập danh sách hộ dân cư tại địa bàn**

| TT hộ | Họ và tên chủ hộ | Địa chỉ  *(Thôn, ấp, số nhà, đường phố)* | Hộ có xây dựng trong quý không? | | Nếu có xây dựng, hoạt động xây dựng do đơn vị nào thực hiện? | | Chữ ký  của chủ hộ |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Quý trước quý báo cáo | Quý báo cáo | Thuê doanh nghiệp | Tự xây dựng/thuê đội thợ |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** | | |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:*** **Cột 4, 5, 6, 7:** Đánh dấu X nếu hộ có phát sinh các hoạt động tương ứng, nếu không thì bỏ trống.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | *… ngày … tháng … năm …*  **Điều tra viên**  *(Ký, họ tên)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu số: 04/XDH-Q** | **PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**  VỀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA HỘ DÂN CƯ  Quý … Năm … | Thực hiện Quyết định số: 1848/QĐ-TCTK ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc điều tra hoạt động xây dựng. |
| - Nghĩa vụ cung cấp thống tin được quy định theo Luật Thống kê.  - Thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định. |

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Thông tin chung** *CQ TK ghi*  Tỉnh/thành phố …………………..…………………………………….  Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:……………………………..  Xã/phường/thị trấn: …………………………………………………… | *CQ TK ghi*  Tên địa bàn điều tra: …………….………..……Địa bàn số  Khu vực: 1. Thành thị; 2. Nông thôn  Họ tên chủ hộ: ………………………….…………… TT hộ  Điện thoại: …………………………….……………………………… |

**II. Công trình xây dựng thực hiện trong kỳ**

**(***Chỉ ghi các công trình xây dựng tự làm hoặc thuê cơ sở cá thể thi công;* ***Không bao gồm*** *tiền thuê hoặc mua quyền sử dụng đất).*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên công trình**  *(Ghi lần lượt từng công trình xây dựng*  *thực hiện trong kỳ)* | **Loại công trình** | **Mã ngành**  *(CQ Tkê ghi)* | **Thời gian khởi công**  *(Tháng/năm)* | **Thời gian hoàn thành/ dự kiến hoàn thành**  *(Tháng/năm)* | **Tổng giá trị công trình** | **Thực hiện quý trước quý báo cáo** | **Dự tính quý báo cáo** | **Cộng dồn từ đầu năm đến cuối quý báo cáo** |
| **A** | B | **C** | **D** | **E** | **1** | **2** | **3** | **4** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:* Cột B:** Ghi mã 1 nếu là công trình xây dựng mới; ghi mã 2 nếu là công trình sửa chữa, nâng cấp.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều tra viên**  *(Ký, họ tên)* | |  | *… ngày … tháng … năm …*  **Chủ hộ**  *(Ký, họ tên)* | |
| **Phiếu số: 05/XDXP-N** | **PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**  VỀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN  Năm …… | | |

|  |  |
| --- | --- |
| Thực hiện Quyết định số: 1848/QĐ-TCTK ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc điều tra hoạt động xây dựng. | - Nghĩa vụ cung cấp thống tin được quy định theo Luật Thống kê.  - Thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định. |

**I. Thông tin chung**

**1. Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn:** ……………………………………………………………………………….…………………………

**2. Địa chỉ** *CQ TK ghi*

Tỉnh/thành phố ……………………………………………………………………………………….……………………..……………………….

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh: …………………………………………………………………………..…………………………..

Xã/phường/thị trấn: ……………………………………………………..………………………………………………………….………………

Thôn, ấp (số nhà, đường phố): ………………………………………………………………………………..…….………………………………...

Số điện thoại liên hệ: ………………………………………..……………………. Số Fax: ………………………………………..………………

Email: …………………………………………………………………………..……………………………………………………………………..

**II. Công trình xây dựng thực hiện trong năm**

(*Chỉ ghi các công trình xây dựng tự làm hoặc thuê cơ sở cá thể thi công,* ***Không bao gồm*** *chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, tiền thuê hoặc mua quyền sử dụng đất).*

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

| **TT** | **Tên công trình**  *(Ghi lần lượt từng công trình xây dựng thực hiện trong năm)* | **Loại công trình** | **Mã ngành**  *(CQ Tkê ghi)* | **Thời gian khởi công**  *(Tháng/năm)* | **Thời gian hoàn thành/ dự kiến hoàn thành**  *(Tháng/năm)* | **Tổng giá trị công trình** | **Giá trị xây dựng thực hiện trong năm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **B** | C | **D** | **E** | **G** | **1** | **2** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** | | | | | |  |  |

***Ghi chú:* Cột C:** Ghi mã 1 nếu là công trình xây dựng mới; ghi mã 2 nếu là công trình sửa chữa, nâng cấp.

**III. Nhà ở xây dựng mới hoàn thành trong năm**

| **Tên công trình nhà ở**  *(Ghi lần lượt từng ngôi nhà xây dựng*  *hoàn thành trong năm)* | **Loại công trình** | **Mã công trình**  *(CQ Tkê ghi)* | **Thời gian**  **khởi công**  *(Tháng/năm)* | **Diện tích**  **xây dựng mới hoàn thành**  *(m2)* | **Giá trị công trình xây dựng hoàn thành**  *(Triệu đồng)* |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | B | **C** | **D** | **1** | **2** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** | | | |  |  |

***Ghi chú:* Cột B:** Ghi mã 1 nếu là công trình xây dựng mới; ghi mã 2 nếu là công trình sửa chữa, nâng cấp.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điều tra viên**  *(Ký, họ tên)* |  | *… ngày … tháng … năm …*  **Chủ tịch xã/phường**  *(Ký, đóng dấu)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu số: 06/DSH-N** |  |  |

**PHIẾU LẬP DANH SÁCH HỘ DÂN CƯ TẠI ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA**

Năm ……

*(Áp dụng cho địa bàn được chọn mẫu điều tra, mỗi địa bàn điều tra lập 01 phiếu)*

|  |  |
| --- | --- |
| Thực hiện Quyết định số: 1848/QĐ-TCTK ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc điều tra hoạt động xây dựng. | - Nghĩa vụ cung cấp thống tin được quy định theo Luật Thống kê.  - Thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định. |

**I. Thông tin chung**  *CQ TK ghi*

Tỉnh/thành phố …………………………………………..…………………………………….

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh: ……………………………………………………..

Xã/phường/thị trấn: ……………………………………………………………………

Tên địa bàn điều tra: …………………………………………....……Địa bàn số

Khu vực *(Khoanh tròn vào mã tương ứng câu trả lời phù hợp*) 1. Thành thị; 2. Nông thôn

**II. Kết quả lập danh sách hộ dân cư tại địa bàn**

| TT hộ | Họ và tên chủ hộ | Địa chỉ  *(Thôn, ấp, số nhà, đường phố)* | Hộ có xây dựng trong năm không? | Nếu có xây dựng, hoạt động xây dựng do đơn vị nào thực hiện? | | Chữ ký  của chủ hộ |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thuê doanh nghiệp | Tự xây dựng/thuê đội thợ |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** | | |  |  |  |  |

***Ghi chú:*** **Cột 4, 5, 6:** Đánh dấu X nếu hộ có phát sinh các hoạt động tương ứng, nếu không thì bỏ trống.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | *… ngày … tháng … năm …*  **Điều tra viên**  *(Ký, họ tên)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu số: 07/XDH-N** | **PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**  VỀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA HỘ DÂN CƯ  Năm … | Thực hiện Quyết định số: 1848/QĐ-TCTK ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc điều tra hoạt động xây dựng. |
| - Nghĩa vụ cung cấp thống tin được quy định theo Luật Thống kê.  - Thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định. |

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Thông tin chung** *CQ TK ghi*  Tỉnh/thành phố …………………..…………………………………….  Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:……………………………..  Xã/phường/thị trấn: …………………………………………………… | *CQ TK ghi*  Tên địa bàn điều tra: …………….………..……Địa bàn số  Khu vực: 1. Thành thị; 2. Nông thôn  Họ tên chủ hộ: ………………………….…………… TT hộ  Điện thoại: …………………………….……………………………… |

**II. Công trình xây dựng thực hiện trong năm**

**(***Chỉ ghi các công trình xây dựng tự làm hoặc thuê cơ sở cá thể thi công;* ***Không bao gồm*** *tiền thuê hoặc mua quyền sử dụng đất).*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| **Tên công trình**  *(Ghi lần lượt từng công trình xây dựng*  *thực hiện trong năm)* | **Loại công trình** | **Mã ngành**  *(CQ Tkê ghi)* | **Thời gian khởi công**  *(Tháng/năm)* | **Thời gian hoàn thành/ dự kiến hoàn thành**  *(Tháng/năm)* | **Tổng giá trị công trình** | **Giá trị xây dựng công trình trong năm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | B | **C** | **D** | **E** | **1** | **2** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:* Cột B**: Ghi mã 1 nếu là công trình xây dựng mới; ghi mã 2 nếu là công trình sửa chữa, nâng cấp.

**III. Nhà ở xây dựng mới hoàn thành trong năm**

| **Tên công trình nhà ở**  *(Ghi lần lượt từng ngôi nhà xây dựng*  *hoàn thành trong năm)* | **Loại công trình** | **Mã công trình**  *(CQ Tkê ghi)* | **Thời gian**  **khởi công**  *(Tháng/năm)* | **Diện tích**  **xây dựng mới hoàn thành**  *(m2)* | **Tổng chi phí xây dựng công trình**  *(Triệu đồng)* |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | B | **C** | **D** | **1** | **2** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:* Cột B**: Ghi mã 1 nếu là công trình xây dựng mới; ghi mã 2 nếu là công trình sửa chữa, nâng cấp.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điều tra viên**  *(Ký, họ tên)* |  | *… ngày … tháng … năm …*  **Chủ hộ**  *(Ký, họ tên)* |

**GIẢI THÍCH NỘI DUNG VÀ CÁCH GHI PHIẾU**

**PHIẾU SỐ 02/XDXP-Q**

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**

**(Quý)**

Phiếu này thu thập thông tin đối với các công trình hoặc hạng mục công trình thực hiện trong kỳ do xã/phường đầu tư và tự tổ chức xây dựng dưới hình thức huy động công đóng góp của nhân dân trong xã/phường hoặc thuê thợ xây dựng cá thể thực hiện, không tính các công trình xây dựng do xã/phường thuê các doanh nghiệp hạch toán độc lập chuyên xây dựng thực hiện.

Phiếu này cũng thu thập thông tin đối với các công trình xây dựng không do xã/phường làm chủ đầu tư và tự tổ chức xây dựng mà do dân đóng góp và tự đầu tư xây dựng nhưng với mục đích phục vụ cộng đồng, được thực hiện trên địa bàn xã/phường như: đền, chùa, miếu, nhà thờ công giáo, đường giao thông nông thôn xóm, hệ thống thoát nước, công trình vệ sinh môi trường chung…

Đầu tư xây dựng của xã/phường gồm các hoạt động đầu tư xây dựng công trình mới, sửa chữa, mở rộng, cải tạo, lắp ghép cấu trúc, cấu kiện đúc sẵn trên mặt bằng xây dựng và cả việc xây dựng các công trình tạm, các công việc chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt máy móc thiết bị, hoàn thiện công trình và những hoạt động khác được tính cho ngành xây dựng thực tế đã thực hiện được trong kỳ báo cáo trên địa bàn xã/phường.

Xã/phường thường đầu tư xây dựng công trình công cộng phục vụ cho dân cư trong địa phương như:

- Nhà ở: Nhà xây dựng để ở do xã/phường tự tổ chức xây dựng, hoặc tổ chức xây dựng theo hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm, chủ yếu là các công trình nhà ở tình nghĩa, nhà ở tình thương được xây dựng để tặng cho các đối tượng chính sách như gia đình có công với cách mạng, thương binh, bệnh binh, mẹ hoặc con liệt sĩ và các đối tượng chính sách khác như diện đói nghèo, tàn tật, tai nạn chiến tranh, đối tượng bị thiên tai,…

- Trụ sở làm việc;

- Trường học, nhà trẻ, nhà mẫu giáo;

- Trạm y tế;

- Các công trình văn hoá: Nhà văn hoá, đài tưởng niệm, đình chùa được xếp hạng di tích lịch sử, …

- Đường giao thông nông thôn;

- Công trình thuỷ lợi: Trong công trình thuỷ lợi, phần các công trình đầu mối là các trạm bơm, cống cấp, thoát nước;

- Các công trình khác.

Tổng chi đầu tư xây dựng của xã/phường là tổng các chi phí phát sinh thực tế cho đầu tư xây dựng trong kỳ báo cáo gồm:

+ Chi phí vật liệu: Là toàn bộ giá trị vật liệu, cấu kiện xây dựng thực tế kết cấu vào thực thể công trình;

+ Chi phí nhân công: Là toàn bộ chi phí phải trả cho người lao động trực tiếp tham gia vào hoạt động xây dựng do xã/phường đầu tư; Công của người dân tự nguyện đóng góp dưới dạng Nhà nước và nhân dân cùng làm cũng được tính vào chi phí nhân công;

+ Chi phí thuê máy thi công;

+ Chi phí khác phát sinh trong quá trình thi công.

Trong tổng chi đầu tư xây dựng, phải trừ đi các khoản thu phát sinh bất thường trong quá trình thi công như thu do tiêu thụ phế liệu xây dựng; thu do bán giàn giáo, cốp pha đã sử dụng xong, …

Giá trị sản xuất hoạt động đầu tư xây dựng xã/phường bằng tổng chi cho đầu tư xây dựng của xã/phường.

Giá trị xây dựng thực hiện trong kỳ ***không*** bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, giá trị đất (kể cả đất do xã, phường tự bỏ ra xây dựng hay bỏ tiền ra mua).

***Lưu ý:*** Với các công trình đã hoàn thành, chỉ tính giá trị xây dựng đã thực hiện được trong kỳ, không tính phần xây dựng trong các kỳ trước chuyển sang; Với các công trình xây dựng dở dang, chỉ tính giá trị xây dựng phát sinh trong kỳ.

**Cách ghi phiếu:**

***I. Thông tin chung***

1. Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn: ghi tên ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn theo Quyết định thành lập.

2. Địa chỉ: ghi đầy đủ địa chỉ theo thứ tự tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn; thôn ấp, số nhà, đường phố.

Mã tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn: cơ quan Thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam được quy định trong phương án điều tra.

- Số điện thoại: ghi số điện thoại của bộ phận (phòng, ban) trực tiếp cung cấp thông tin điều tra.

- Số fax: ghi số fax nếu có.

- Email: ghi địa chỉ email nếu có.

***II. Công trình xây dựng thực hiện trong kỳ***

Cột A: Ghi số thứ tự công trình.

Cột B: Tên công trình: Ghi tên công trình, hạng mục công trình xây dựng theo đúng tên được xác định trong quyết định đầu tư hoặc thiết kế kỹ thuật của công trình (nếu có).

Trường hợp không có thiết kế kỹ thuật của công trình thì ghi mô tả chi tiết công trình, ví dụ: xây nhà tình nghĩa gia đình ông Nguyễn Văn A; sửa chữa đường liên thôn, xây nhà thờ họ….

*Lưu ý*: Ghi lần lượt từng công trình thực hiện trong kỳ, không ghi gộp các công trình có cùng công năng, mục đích sử dụng.

Cột C: Loại công trình: Ghi mã 1 nếu là công trình xây dựng mới, ghi mã 2 nếu là công trình sửa chữa, nâng cấp.

Cột D: Mã ngành: Cơ quan Thống kê ghi mã ngành hoạt động xây dựng theo hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC) 2007 cấp 5.

Cột E: Thời gian khởi công: Ghi rõ tháng, năm khởi công công trình.

Cột G: Thời gian hoàn thành/dự kiến hoàn thành: Ghi rõ tháng, năm hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành của công trình.

Cột 1: Tổng giá trị công trình: Ghi ước tính tổng giá trị xây dựng của toàn bộ công trình khi hoàn thành.

Cột 2: Ghi giá trị thực hiện quý trước quý báo cáo.

Cột 3: Ghi giá trị dự tính thực hiện quý báo cáo.

Cột 4: Ghi giá trị cộng dồn từ đầu năm đến cuối quý báo cáo.

*Quy ước:* Đối với một số loại nhà như: Nhà tình thương, nhà tình nghĩa, nhà đồng đội… được xây dựng hoặc hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng chính sách, nếu xã/phường hoặc các tổ chức, cá nhân trao tặng xây dựng công trình thì quy ước ghi vào phiếu này, nếu hộ dân cư tự xây dựng (có hỗ trợ kinh phí từ các nguồn của nhà nước, của các tổ chức, cá nhân) thì thực hiện điều tra theo phiếu thu thập thông tin về công trình xây dựng của hộ dân cư (phiếu số 04/XDH-Q).

**PHIẾU SỐ 03/DSH-Q**

**PHIẾU LẬP DANH SÁCH HỘ DÂN CƯ TẠI ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA**

**(Quý)**

Phiếu này lậpdanh sách tất cả các hộ dân cư có trên địa bàn được chọn mẫu điều tra nhằm xác định số lượng hộ thuộc diện điều tra, tên và địa chỉ của các hộ được điều tra, tránh trùng lặp hoặc bỏ sót đơn vị hộ điều tra. Mỗi địa bàn được chọn mẫu điều tra lập thành một phiếu.

Điều tra viên đến từng hộ trong địa bàn được chọn mẫu điều tra, hỏi và ghi thông tin vào phiếu lập danh sách hộ dân cư thuộc địa bàn mẫu điều tra. Nếu hộ không thực hiện đầu tư xây dựng trong quý thì chỉ ghi thông tin của hộ vào phiếu này, nếu hộ có thực hiện đầu tư xây dựng trong quý thì điều tra theo phiếu số 04/XDH-Q.

***Cách ghi phiếu:***

**I. Thông tin chung:**

Tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn: điều tra viên ghi đầy đủ địa chỉ theo thứ tự tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn.

Mã tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn: cơ quan Thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam được quy định trong phương án điều tra.

Địa bàn điều tra: ghi tên địa bàn và địa bàn số theo Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2014.

Khu vực: điều tra viên khoanh tròn vào mã thành thị hoặc nông thôn theo danh sách địa bàn của Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2014.

**II. Kết quả lập danh sách hộ dân cư trong địa bàn**

Cột 1: TT hộ: điều tra viên ghi thứ tự từ 1 đến hết của số hộ trong địa bàn.

Cột 2: Họ và tên chủ hộ: điều tra viên ghi họ và tên chủ hộ theo sổ hộ khẩu. Đối với những hộ chưa có hộ khẩu thì ghi tên người nắm được nhiều thông tin của hộ.

Cột 3: Địa chỉ: điều tra viên ghi đầy đủ thông tin về thôn, ấp, số nhà, đường phố của hộ.

Cột 4, 5: Hộ có đầu tư xây dựng trong quý không?: điều tra viên hỏi thông tin từ chủ hộ, nếu hộ có thực hiện đầu tư xây dựng trong quý nào thì đánh dấu (X) vào cột tương ứng với quý đó, nếu hộ không đầu tư xây dựng thì bỏ trống.

Với những hộ không có đầu tư xây dựng trong quý (thông tin các cột 4, 5 đều bỏ trống), điều tra viên kết thúc điều tra tại hộ và lấy chữ ký của chủ hộ.

Cột 6, 7: Với những hộ có đánh dấu X ở ít nhất một trong hai cột 4, 5 điều tra viên hỏi tiếp hoạt động xây dựng của hộ do đơn vị nào thực hiện, nếu hộ thuê doanh nghiệp thì đánh dấu X và cột 6, nếu hộ tự xây dựng hoặc thuê đội thợ thi công xây dựng thì đánh dấu X vào cột 7.

Lưu ý: chỉ đánh dấu X vào 1 trong 2 cột (cột 6 hoặc cột 7).

Với những hộ tự có đánh dấu X ở cột 7, điều tra viên tiếp tục thực hiện điều tra theo phiếu số 04/XDH-Q.

Chữ ký của chủ hộ: điều tra viên yêu cầu chủ hộ ký tên. Trường hợp không lấy được chữ ký của các hộ dân cư thuộc địa bàn điều tra thì có thể đề nghị tổ trưởng dân phố, trưởng thôn hoặc người đại diện khu vực… ký thay cho hộ.

***Quy ước:*** *Với những hộ có điều tra phiếu số 04/XDH-Q, điều tra viên không cần lấy chữ ký của chủ hộ ở phiếu số 03/DSH-Q*

**PHIẾU SỐ 04/XDH-Q**

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**

**VỀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA HỘ DÂN CƯ**

**(Quý)**

Phiếu này chỉ thu thập thông tin về xây dựng do hộ dân cư trực tiếp đầu tư và tự tổ chức thi công hoặc thuê thợ cá thể thi công. Không tính công trình xây dựng do hộ đầu tư nhưng thuê doanh nghiệp thi công (vì kết quả hoạt động doanh nghiệp xây dựng đã thu thập được qua phiếu 01/DNXD-Q).

Hoạt động đầu tư xây dựng của hộ dân cư gồm các hoạt động đầu tư xây dựng công trình mới, sửa chữa nâng cấp công trình nhà ở hiện có đã thực hiện trong kỳ báo cáo.

Hộ dân cư đầu tư xây dựng chủ yếu là công trình nhà ở. Tính vào chi phí xây dựng nhà ở của hộ dân cư là phần chi phí xây dựng công trình dùng cho mục đích để ở và sinh hoạt của hộ dân cư. Riêng với nhà riêng lẻ ở nông thôn, chi phí xây dựng công trình nhà ở chỉ tính phần chi phí xây dựng ngôi nhà chính để ở, chi phí xây dựng các ngôi nhà phục vụ cho mục đích chăn nuôi, nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà kho được xây dựng riêng ngoài ngôi nhà chính để ở được tính vào chi phí xây dựng công trình khác. Ngoài ra, hộ dân cư có thể còn xây dựng một số công trình khác phục vụ sản xuất như chuồng trại chăn nuôi, đào ao, lập vườn… Phần chi phí này cũng được tính vào chi phí xây dựng công trình khác. Lưu ý chỉ tính chi phí xây dựng công trình, không phải là đầu tư cho sản xuất kinh doanh. Ví dụ: Hộ dân cư đầu tư xây dựng trại chăn nuôi lợn có diện tích là 100 m2 được tính là chi phí xây dựng, mọi chi phí khác như mua lợn giống, thức ăn v.v… Không tính là đầu tư xây dựng.

Chi phí đầu tư xây dựng hộ dân cư bao gồm:

+ Chi phí vật liệu: Là toàn bộ giá trị vật liệu, cấu kiện xây dựng thực tế kết cấu vào thực thể công trình;

+ Chi phí nhân công: Là toàn bộ chi phí phải trả công thợ, kể cả công của người trong gia đình đóng góp cũng qui ước tính ra giá trị ngày công để ghi đủ chi phí;

+ Chi phí thuê máy thi công;

+ Chi phí khác phát sinh trong quá trình thi công.

Trong tổng chi phí đầu tư xây dựng, phải trừ đi các khoản thu phát sinh bất thường trong quá trình thi công như thu do tiêu thụ phế liệu xây dựng; thu do bán giàn giáo, cốp pha đã sử dụng xong…

Giá trị xây dựng thực hiện trong kỳ không bao gồm tiền thuê hoặc mua quyền sử dụng đất.

***Lưu ý:*** Với các công trình đã hoàn thành, chỉ tính giá trị xây dựng đã thực hiện được trong kỳ, không tính phần xây dựng trong các kỳ trước chuyển sang; Với các công trình xây dựng dở dang, chỉ tính giá trị xây dựng phát sinh trong kỳ.

**Cách ghi phiếu:**

***I. Thông tin chung***

Ghi lần lượt các thông tin tương tự như phiếu số 03/DSH-Q.

***II. Công trình xây dựng thực hiện trong kỳ***

Cột A: Tên công trình: Ghi tên công trình theo đúng tên trong thiết kế kỹ thuật của công trình (nếu có).

*Lưu ý*: Ghi lần lượt từng công trình thực hiện trong kỳ, không ghi gộp các công trình có cùng công năng, mục đích sử dụng.

Cột B: Loại công trình: Ghi mã 1 nếu là công trình xây dựng mới, ghi mã 2 nếu là công trình sửa chữa, nâng cấp.

Cột C: Mã ngành: Cơ quan Thống kê ghi mã ngành hoạt động xây dựng theo hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC) 2007 cấp 5.

Cột D: Thời gian khởi công: Ghi rõ tháng, năm khởi công công trình.

Cột E: Thời gian hoàn thành/dự kiến hoàn thành: Ghi rõ tháng, năm hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành của công trình.

Cột 1: Tổng giá trị công trình: Ghi ước tính tổng giá trị xây dựng của toàn bộ công trình khi hoàn thành.

Cột 2: Ghi giá trị thực hiện quý trước quý báo cáo.

Cột 3: Ghi giá trị dự tính thực hiện trong quý báo cáo.

Cột 4: Ghi giá trị cộng dồn từ đầu năm đến cuối quý báo cáo.

**PHIẾU SỐ 05/XDXP-N**

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**

**(Năm)**

Phạm vi thu thập thông tin tương tự như đối vớiPhiếu số 02/XDXP-Q: Phiếu thu thập thông tin về công trình xây dựng trên địa bàn xã/phường/thị trấn hàng quý.

**Cách ghi phiếu:**

***I. Thông tin chung***

Ghi lần lượt các thông tin tương tự như phiếu số 02/XDXP-Q.

***II. Công trình xây dựng thực hiện trong năm***

Cột A: Ghi số thứ tự công trình.

Cột B: Tên công trình: Ghi tên công trình theo đúng tên được xác định trong quyết định đầu tư hoặc thiết kế kỹ thuật của công trình (nếu có).

Trường hợp không có thiết kế kỹ thuật của công trình thì ghi mô tả chi tiết công trình, ví dụ: xây nhà tình nghĩa gia đình ông Nguyễn Văn A, sửa chữa đường liên thôn B, xây nhà thờ họ C….

*Lưu ý*: Ghi lần lượt từng công trình thực hiện trong năm, không ghi gộp các công trình có cùng công năng, mục đích sử dụng.

Cột C: Loại công trình: Ghi mã 1 nếu là công trình xây dựng mới, ghi mã 2 nếu là công trình sửa chữa, nâng cấp.

Cột D: Mã ngành: Cơ quan Thống kê ghi mã ngành hoạt động xây dựng theo hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC) 2007 cấp 5.

Cột E: Thời gian khởi công: Ghi rõ tháng, năm khởi công công trình.

Cột G: Thời gian hoàn thành/dự kiến hoàn thành: Ghi rõ tháng, năm hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành của công trình.

Cột 1: Tổng giá trị công trình: Ghi ước tính tổng giá trị xây dựng của toàn bộ công trình khi hoàn thành.

Cột 2: Giá trị xây dựng thực hiện trong năm: Ghi tổng số tiền đầu tư xây dựng công trình trong năm.

*Quy ước:* Đối với một số loại nhà như: Nhà tình thương, nhà tình nghĩa, nhà đồng đội,… được xây dựng hoặc hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng chính sách, nếu xã/phường hoặc các tổ chức, cá nhân trao tặng xây dựng công trình thì quy ước ghi vào phiếu này, nếu hộ dân cư tự xây dựng (có hỗ trợ kinh phí từ các nguồn của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân) thì thực hiện điều tra theo phiếu thu thập thông tin về công trình xây dựng của hộ dân cư (phiếu số 07/XDH-N).

**III. Nhà ở xây dựng mới hoàn thành trong năm**

Phần này ghi thông tin về nhà ở riêng lẻ xây dựng mới, sữa chữa lớn hoặc nâng cấp hoàn thành trong năm.

*Cột A:* Ghi lần lượt từng công trình nhà ở hoàn thành trong năm, không ghi gộp các công trình có cùng công năng, mục đích sử dụng.

*Cột B:* Loại công trình: Ghi mã 1 nếu là công trình xây dựng mới, ghi mã 2 nếu là công trình sửa chữa, nâng cấp.

*Cột C:* Mã công trình: Cơ quan Thống kê ghi mã ngành theo danh mục công trình nhà ở như sau:

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH NHÀ Ở**

| **STT** | **Tên công trình** | **Mã công trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Nhà chung cư dưới 4 tầng | 01 |
| 2 | Nhà chung cư từ 4-8 tầng | 02 |
| 3 | Nhà chung cư từ 9-25 tầng | 03 |
| 4 | Nhà chung cư từ 26 tầng trở lên | 04 |
| 5 | Nhà ở riêng lẻ dưới 4 tầng | 05 |
| 5.1 | Nhà kiên cố | 06 |
| 5.2 | Nhà bán kiên cố | 07 |
| 5.3 | Nhà thiếu kiên cố | 08 |
| 5.4 | Nhà đơn sơ | 09 |
| 6 | Nhà ở riêng lẻ từ 4 tầng trở lên | 10 |
| 7 | Nhà biệt thự | 11 |

Trong đó:

- Nhà chung cư: là những ngôi nhà có từ 2 tầng trở lên được xây dựng dùng để ở, trong đó có nhiều căn hộ riêng biệt, có lối đi, cầu thang và hệ thống kỹ thuật hạ tầng sử dụng chung.

Căn hộ: là nhà ở của hộ gia đình, cá nhân trong nhà chung cư.

- Nhà ở riêng lẻ: là những ngôi nhà được xây dựng dùng để ở trên một khuôn viên độc lập với nhau, có tường riêng, lối đi riêng. Những ngôi nhà một tầng chung móng, chung tường cũng được tính là nhà riêng lẻ.

Việc phân loại nhà ở riêng lẻ dưới 4 tầng theo mức độ kiên cố được quy định như sau:

+ Nhà kiên cố: Là nhà có ba kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc.

+ Nhà bán kiên cố: Là nhà có hai trong ba kết cấu chính cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc.

+ Nhà thiếu kiên cố: Là nhà có một trong ba kết cấu chính cột, mái, tường được làm bằng vật liệu bền chắc.

+ Nhà đơn sơ: Là nhà có cả ba kết cấu chính cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu không bền chắc.

Đặc điểm nhận dạng vật liệu bền chắc, không bên chắc được thể hiện trong bảng dưới đây:

**ĐẶC ĐIỂM NHẬN DẠNG VẬT LIỆU BỀN CHẮC, KHÔNG BỀN CHẮC**

|  | Vật liệu chính làm cột | Vật liệu chính  làm mái | Vật liệu chính  làm tường bao che |
| --- | --- | --- | --- |
| Bền chắc | 1. Bê tông cốt thép;  2. Xây gạch/đá;  3. Sắt/thép/gỗ bền chắc; | 1. Bê tông cốt thép;  2. Ngói (xi măng, đất nung); | 1. Bê tông cốt thép;  2. Xây gạch/đá;  3. Gỗ/kim loại; |
| Không bền chắc | 4. Gỗ tạp/ tre;  5. Khác. | 3. Tấm lợp (xi măng, kim loại);  4. Lá/ rơm rạ/ giấy dầu;  5. Khác | 4. Đất/vôi/rơm  5. Phiên/liếp/ván ép  6. Khác |

- Nhà biệt thự: Là nhà ở riêng biệt, có sân, vườn (cây xanh, thảm cỏ, vườn hoa…), tường rào và lối ra vào riêng biệt; có cấu trúc hoàn chỉnh, khép kín (đầy đủ các phòng ngủ, sinh hoạt chung, bếp ăn, vệ sinh, kho, để xe …); có ít nhất 02 mặt nhà liền kề trông ra sân hoặc vườn.

*Lưu ý:* Các loại nhà ở truyền thống khu vực nông thôn, miền núi với cấu trúc không hoàn chỉnh, khép kín không được xếp vào loại hình nhà ở biệt thự.

*Cột D:* Thời gian khởi công: Ghi rõ tháng, năm khởi công công trình.

*Cột 1 và 2:* Ghi tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành và tổng chi phí xây dựng theo công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành.

- Tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành được tính như sau:

Diện tích nhà ở xây dựng mới là tổng diện tích sàn xây dựng dùng cho mục đích để ở và sinh hoạt của hộ dân cư, cá nhân, tổ chức. Riêng với nhà riêng lẻ ở nông thôn, chỉ tính cho ngôi nhà chính để ở, không tính diện tích của các ngôi nhà phục vụ cho mục đích chăn nuôi, nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà kho được xây dựng riêng ngoài ngôi nhà chính để ở.

Diện tích sàn xây dựng nhà ở được tính bao gồm diện tích sàn căn hộ/ nhà ở xây mới và diện tích sàn căn hộ/nhà ở tăng thêm do nâng tầng hoặc mở rộng, không tính diện tích của các nhà ở cũ được cải tạo.

Diện tích sàn xây dựng nhà ở xây mới không phân biệt thời gian khởi công công trình, bao gồm: Khởi công xây dựng từ những năm trước đó nhưng đến năm báo cáo mới hoàn thành bàn giao, khởi công và hoàn thành bàn giao trong năm báo cáo.

Diện tích sàn xây dựng được tính theo m2, bao gồm cả diện tích tường chịu lực và tường ngăn, bao gồm:

(1) Tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở mới của các nhà chung cư: Là tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở mới được sử dụng cho mục đích ở và sinh hoạt của từng căn hộ cộng lại.

Không tính diện tích sàn xây dựng được sử dụng chung cho các hộ gia đình trong nhà chung cư như: Diện tích cầu thang, diện tích đường đi, hành lang chung và diện tích các phòng dùng cho mục đích khác không phải ở như: phòng văn hoá, hội trường, trạm xá, nhà vệ sinh sử dụng chung, phòng bảo vệ...

(2) Tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở mới xây dựng của các ngôi nhà riêng lẻ và nhà biệt thự: là tổng diện tích sàn xây dựng dùng cho mục đích để ở và sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân bao gồm diện tích các phòng ngủ, phòng tiếp khách, phòng đọc sách, giải trí... và diện tích hành lang, cầu thang, tiền sảnh ngôi nhà, không tính diện tích phục vụ cho mục đích chăn nuôi, nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà kho được xây dựng riêng ngoài ngôi nhà chính để ở.

+ Đối với nhà ở một tầng, thì ghi tổng diện tích phần nền nhà tính cả tường (phần có trần, mái che) của ngôi nhà đó; trường hợp có tường, khung cột chung thì chỉ tính 1/2 diện tích mặt bằng của tường, khung cột chung đó.

+ Đối với nhà nhiều tầng, thì ghi tổng diện tích (phần có trần, mái che) của các tầng; trường hợp có tường, khung cột chung ở các tầng, thì chỉ tính 1/2 diện tích mặt bằng của tường, khung cột chung đó.

+ Phần sàn và gầm sàn nhà không được bao che và không được sử dụng để ở, thì không tính diện tích. Trường hợp phần gầm sàn nhà cao từ 2,1 mét trở lên, có bao che và được sử dụng để ở, thì được tính diện tích.

Mặt ngoài nhà

Mặt ngoài nhà

P. ngủ

P. ngủ

P. ngủ

P. khách

Bếp

WC

Hành lang

Đầu hồi nhà

Căn hộ khác

Diện tích căn hộ được tính theo đường

***Quy ước:***

- Nếu khu bếp và khu vệ sinh được xây dựng liền kề với ngôi nhà mà hộ đang ở (chung hoặc liền tường), thì tính diện tích của khu bếp và khu vệ sinh đó vào tổng diện tích của ngôi nhà của hộ.

- Nếu khu bếp và khu vệ sinh được xây dựng hoàn toàn tách rời (độc lập) với ngôi nhà mà hộ đang ở dù trong cùng một khuôn viên đất thì không tính diện tích của khu bếp và khu vệ sinh vào tổng diện tích của ngôi nhà của hộ.

- Đối với ngôi nhà/căn hộ có khu bếp và khu vệ sinh khép kín như hình vẽ trên thì diện tích của ngôi nhà/căn hộ được tính theo phạm vi trong đường nét đứt.

- Trường hợp ngôi nhà/căn hộ có gác xép bảo đảm chiều cao từ gác xép đến trần từ 2,1 mét trở lên và diện tích tối thiểu 4 mét vuông thì phần gác xép này được tính vào tổng diện tích ở của ngôi nhà/căn hộ.

**PHIẾU SỐ 06/DSH-N**

**PHIẾU LẬP DANH SÁCH HỘ DÂN CƯ TẠI ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA**

**(Năm)**

Phiếu này lậpdanh sách tất cả các hộ dân cư có trên địa bàn được chọn mẫu điều tra nhằm xác định số lượng hộ thuộc diện điều tra, tên và địa chỉ của các hộ được điều tra, tránh trùng lặp hoặc bỏ sót đơn vị hộ điều tra. Mỗi địa bàn được chọn mẫu điều tra lập thành một phiếu.

Điều tra viên đến từng hộ trong địa bàn được chọn mẫu điều tra, hỏi và ghi thông tin vào phiếu lập danh sách hộ dân cư thuộc địa bàn mẫu điều tra. Nếu hộ không thực hiện đầu tư xây dựng trong năm thì chỉ ghi thông tin của hộ vào phiếu này, nếu hộ có thực hiện đầu tư xây dựng trong năm thì điều tra theo phiếu số 07/XDH-Q.

**Cách ghi phiếu:**

***I. Thông tin chung***

Tỉnh, thành phố ; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh ; xã, phường, thị trấn: điều tra viên ghi đầy đủ địa chỉ theo thứ tự tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn.

Mã tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn: cơ quan Thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam được quy định trong phương án điều tra.

Địa bàn điều tra: ghi tên địa bàn và địa bàn số theo Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2014.

Khu vực: điều tra viên khoanh tròn vào mã thành thị hoặc nông thôn theo danh sách địa bàn của Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2014.

***II. Kết quả lập danh sách hộ dân cư trong địa bàn***

Cột 1: TT hộ: điều tra viên ghi thứ tự từ 1 đến hết của số hộ trong địa bàn.

Cột 2: Họ và tên chủ hộ: điều tra viên ghi họ và tên chủ hộ theo sổ hộ khẩu. Đối với những hộ chưa có hộ khẩu thì ghi tên người nắm được nhiều thông tin của hộ.

Cột 3: Địa chỉ: điều tra viên ghi đầy đủ thông tin về thôn, ấp, số nhà, đường phố của hộ.

Cột 4: Hộ có đầu tư xây dựng trong năm không?: điều tra viên hỏi thông tin từ chủ hộ, nếu hộ có thực hiện đầu tư xây dựng trong năm thì đánh dấu (X) vào cột 4, nếu hộ không đầu tư xây dựng thì bỏ trống.

Với những hộ không có đầu tư xây dựng trong năm (thông tin cột 4 bỏ trống), điều tra viên kết thúc điều tra tại hộ và lấy chữ ký của chủ hộ.

Cột 5, 6: Với những hộ có đánh dấu X ở cột 4, điều tra viên hỏi tiếp hoạt động xây dựng của hộ do đơn vị nào thực hiện, nếu hộ thuê doanh nghiệp thì đánh dấu X và cột 5, nếu hộ tự xây dựng hoặc thuê đội thợ thi công xây dựng thì đánh dấu X vào cột 6.

*Lưu ý:* chỉ đánh dấu X vào 1 trong 2 cột (cột 5 hoặc cột 6).

Với những hộ tự có đánh dấu X ở cột 6, điều tra viên tiếp tục thực hiện điều tra theo phiếu số 07/XDH-N.

Chữ ký của chủ hộ: điều tra viên yêu cầu chủ hộ ký tên. Trường hợp không lấy được chữ ký của các hộ dân cư thuộc địa bàn điều tra thì có thể đề nghị tổ trưởng dân phố, trưởng thôn hoặc người đại diện khu vực… ký thay cho hộ.

*Quy ước:* Với những hộ có điều tra phiếu số 07/XDH-N, điều tra viên không cần lấy chữ ký của chủ hộ ở phiếu số 06/DSH-N

**PHIẾU SỐ 07/XDH-N**

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**

**VỀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA HỘ DÂN CƯ**

**(Năm)**

Phạm vi thu thập thông tin: tương tự như đối vớiPhiếu số 04/XDH-Q: Phiếu thu thập thông tin về công trình xây dựng của hộ dân cư hàng quý.

**Cách ghi phiếu:**

***I. Thông tin chung***

Ghi lần lượt các thông tin tương tự như phiếu số 06/DSH-N.

***II. Công trình xây dựng thực hiện trong năm***

Nội dung các cột ghi giống như hướng dẫn ghi mục II của Phiếu số 05/XDXP-N: Phiếu thu thập thông tin về công trình xây dựng thực hiện trên địa bàn xã/phường/thị trấn.

*Lưu ý:*Ghi lần lượt từng công trình thực hiện trong năm, không ghi gộp các công trình có cùng công năng, mục đích sử dụng.

***III. Nhà ở xây dựng mới hoàn thành trong năm của hộ dân cư***

Phần này ghi thông tin về nhà ở riêng lẻ xây dựng mới, sữa chữa nâng cấp hoàn thành trong năm của hộ dân cư.

Nội dung các cột ghi giống như hướng dẫn ghi mục III của Phiếu số 05/XDXP-N: Phiếu thu thập thông tin về công trình xây dựng thực hiện trên địa bàn xã/phường/thị trấn.